BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THỐNG KÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2026

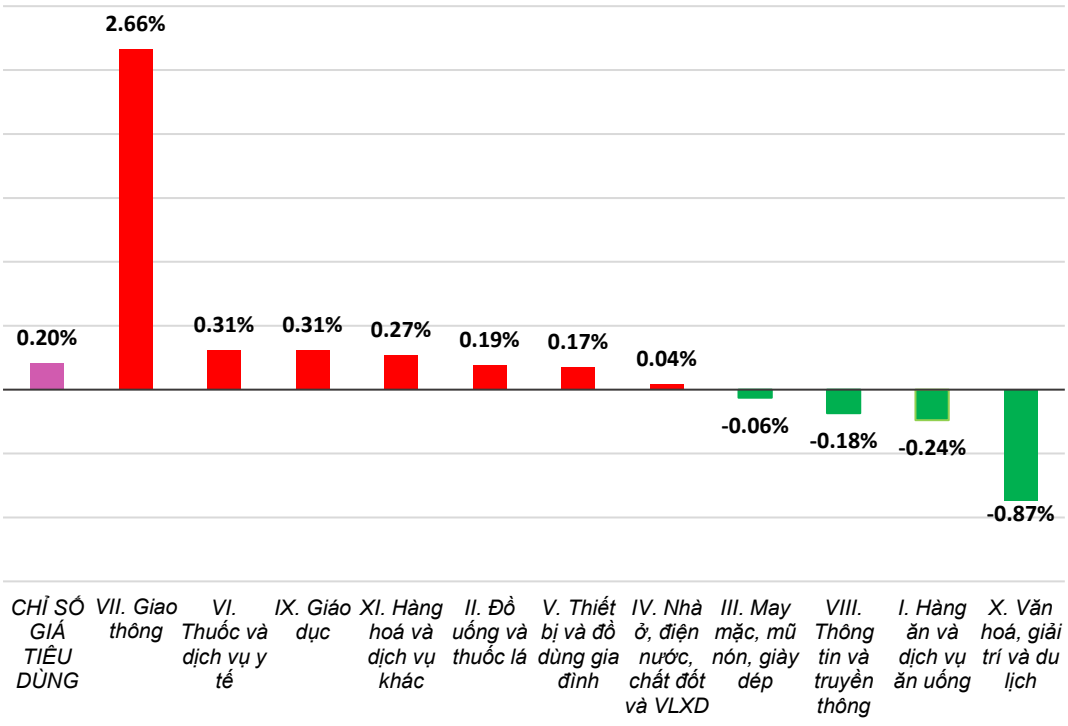
TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2026

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2026 tăng 0,2% so với tháng trước, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước điều chỉnh tăng theo giá nhiên liệu thế giới. So với tháng 12/2025, CPI tháng Mười tăng 4,41%; tăng 5,09% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng năm 2026, CPI tăng 4,57% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,24%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 10/2026

So với tháng trước, CPI tháng 10/2026 tăng 0,2% (khu vực thành thị tăng 0,16%; khu vực nông thôn tăng 0,25%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 7 nhóm hàng tăng giá và 4 nhóm hàng giảm giá.

Hình 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 10/2026 so với tháng trước



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 10/2026 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,24%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 10/2026 giảm 0,24% so với tháng trước, góp phần làm CPI chung giảm 0,09 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm lương thực giảm 0,57%, góp phần giảm 0,03 điểm phần trăm; nhóm thực phẩm giảm 0,32%, góp phần giảm 0,07 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 0,11%, tác động tăng CPI chung 0,01 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (-0,57%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 10/2026 giảm 0,57% so với tháng trước, chủ yếu do giá gạo giảm 0,92% khi nguồn cung trong nước dồi dào và giá gạo xuất khẩu có xu hướng giảm nhẹ. Cụ thể, giá gạo nếp giảm 1,59%; gạo tẻ thường giảm 0,98%; gạo tẻ ngon giảm 0,54%.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 14.600-16.500 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 20.200-21.800 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 21.900-23.500 đồng/kg; giá gạo nếp từ 26.500-38.400 đồng/kg.

Ở chiều ngược lại, giá nhóm lương thực chế biến tăng 0,28%; bột mì và ngũ cốc khác tăng 0,57%. Trong đó: giá khoai tăng 1,17%; mì sợi, mì, phở/cháo ăn liền tăng 0,46%; ngô tăng 0,31%; ngũ cốc ăn liền tăng 0,36%; bột ngô tăng 0,24%; bánh mì tăng 0,22%; bột mì tăng 0,18%; miến tăng 0,12%.

1.2. Thực phẩm (-0,32%)

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 10/2026 giảm 0,32% so với tháng trước, chủ yếu giảm giá ở một số mặt hàng sau:

- Giá thịt lợn giảm 2,33% do nguồn cung trong nước tăng trong khi sức tiêu thụ chưa tương ứng, đồng thời giá thịt lợn nhập khẩu thấp tạo áp lực cạnh tranh. Tính đến ngày 26/10/2026, giá lợn hơi bình quân cả nước dao động trong khoảng 47.000-53.000 đồng/kg. Theo đó, giá mỡ động vật giảm 1,72%; nội tạng động vật giảm 1,08%; thịt gia súc đông lạnh giảm 1,08%; thịt quay, giò, chả giảm 0,49%.

- Giá trứng các loại giảm 0,65% sau khi nhu cầu tiêu dùng phục vụ dịp Tết Trung thu hạ nhiệt; thịt gia cầm giảm 0,35%, thịt bò giảm 0,33%; thủy hải sản tươi sống giảm 0,23%.

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng giá tăng so với tháng trước:

- Giá nhóm rau tươi, khô và chế biến tăng 1,62% so với tháng trước do thời tiết không thuận lợi tại một số địa phương ảnh hưởng đến nguồn cung rau tươi. Trong đó, giá su hào tăng 3,33%; đỗ quả tươi tăng 3,09%; rau muống tăng 2,92%; rau dạng quả, củ như bí xanh, dưa chuột, cà tím, bí đỏ tăng 1,95%.

- Giá quả tươi, chế biến tăng 0,32% so với tháng trước. Trong đó, giá quả tươi khác như nho, đu đủ, dưa hấu tăng 0,62%; táo tăng 0,5%; quả chế biến tăng 0,16%.

- Giá chè, cà phê, ca cao tăng 0,7%; đồ gia vị tăng 0,49%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,49%; đường, mật tăng 0,43%; sữa, bơ, pho mai tăng 0,38%; nước mắm, nước chấm tăng 0,26%; các loại đậu và hạt tăng 0,25%.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,11%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 10/2026 tăng 0,11% so với tháng trước. Trong đó, giá dịch vụ uống ngoài gia đình tăng 0,21%; ăn ngoài gia đình tăng 0,1%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,07%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,19%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 10/2026 tăng 0,19% do chi phí nguyên liệu và vận chuyển ở mức cao. Trong đó, giá nước giải khát có ga tăng 0,49%; thuốc hút tăng 0,47%; nước quả ép tăng 0,24%; nước uống tăng lực tăng 0,25%; rượu các loại tăng 0,21%. Riêng giá bia các loại giảm 0,04%.

3. May mặc, mũ nón và giày dép (-0,06%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tháng Mười giảm 0,06% so với tháng trước do nhu cầu giảm. Trong đó, giá quần áo may sẵn giảm 0,14%. Ở chiều ngược lại, giá may mặc khác như khăn mặt, khăn quàng, găng tay, bít tất tăng 0,43%; mũ nón tăng 0,31%.

4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,04%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng 10/2026 tăng 0,04% so với tháng trước chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,4%; dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,63% chủ yếu do nhu cầu sửa chữa nhà cửa của người dân tăng.

- Giá gas tăng 10,35%, nguyên nhân là từ ngày 01/10/2026, giá gas trong nước điều chỉnh tăng theo giá gas thế giới.

Ở chiều ngược lại, các mặt hàng sau có giá giảm trong tháng:

- Giá thuê nhà giảm 0,22% do thị trường bất động sản có xu hướng hạ nhiệt và một số chủ nhà giảm giá thuê để khuyến khích người thuê lâu dài.

- Giá điện sinh hoạt giảm 1,99%[1]; nước sinh hoạt giảm 0,09% do thời tiết chuyển mát, nhu cầu sử dụng điện, nước của các hộ gia đình giảm.

---

[1] Chỉ số giá điện sinh hoạt tháng 10/2026 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 9/2026.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,17%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 10/2026 tăng 0,17% so với tháng trước, chủ yếu do chi phí nguyên nhiên vật liệu và nhân công tăng. Trong đó, giá hàng thủy tinh, sành sứ tăng 0,58%; dịch vụ sửa chữa thiết bị trong gia đình tăng 0,56%; đồ dùng bằng kim loại tăng 0,51%; vật phẩm tiêu dùng như khóa; pin, đèn pin tăng 0,45%; đồng hồ treo tường, để bàn và gương tăng 0,34%; xà phòng, chất tẩy rửa tăng 0,29%; hàng dệt trong gia đình tăng 0,28%; đồ điện tăng 0,12%.

Ở chiều ngược lại, giá máy hút bụi giảm 0,85% so với tháng trước; máy điều hòa nhiệt độ giảm 0,73%; tủ lạnh giảm 0,52% do một số cửa hàng điện máy triển khai chương trình giảm giá nhằm kích cầu tiêu dùng.

6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,31%)

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng 10/2026 tăng 0,31% so với tháng trước, chủ yếu do giá dịch vụ y tế tăng 0,34% khi một số địa phương điều chỉnh giá theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và giá một số loại thuốc tăng. Cụ thể, nhóm thuốc giảm đau; thuốc hạ sốt; chống viêm không steroid và thuốc điều trị gút và các bệnh xương tăng 0,34%; hoóc môn và các thuốc tác động vào hệ nội tiết tăng 0,3%; nhóm thuốc tác dụng trên đường hô hấp tăng 0,27%; nhóm vitamin và khoáng chất tăng 0,23%; thuốc chống dị ứng và các trường hợp quá mẫn tăng 0,2%; thuốc tim mạch tăng 0,19%; dụng cụ y tế tăng 0,49%.

7. Giao thông (+2,66%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 10/2026 tăng 2,66% so với tháng trước, tác động làm tăng CPI chung 0,27 điểm phần trăm. Một số nhóm hàng có chỉ số giá tăng so với tháng trước:

- Chỉ số giá xăng tăng 6,86%; chỉ số giá dầu diesel tăng 0,75% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước.

- Giá nhóm phụ tùng tăng 0,49% do chi phí nhập khẩu linh kiện tăng, trong đó, phụ tùng khác của xe máy tăng 0,55%; phụ tùng khác của xe đạp tăng 0,54%; lốp, săm xe máy tăng 0,51%; phụ tùng ô tô tăng 0,35%.

- Giá dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,26% do chi phí nhân công tăng, trong đó giá dịch vụ sửa chữa xe máy tăng 0,25%; dịch vụ sửa chữa xe đạp tăng 0,62%.

- Giá dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 0,51%; dịch vụ trông giữ xe tăng 0,22%; phí học bằng lái xe tăng 0,15%; dịch vụ thuê ô tô, xe máy tự lái và phí cầu đường cùng tăng 0,13%.

Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng có giá giảm so với tháng trước:

- Giá vận tải hành khách bằng đường hàng không giảm 10,58% do nhu cầu đi lại, du lịch bước vào mùa thấp điểm, các hãng hàng không triển khai chương trình giảm giá vé trên một số chặng bay nhằm kích cầu tiêu dùng. Dịch vụ vận tải hành khách đường sắt giảm 2,39%.

- Giá xe ô tô đã qua sử dụng giảm 1,23%; xe ô tô mới giảm 1,09%; xe máy mới giảm 0,21% do doanh nghiệp áp dụng chương trình ưu đãi, hỗ trợ người tiêu dùng mua sắm.

8. Thông tin và truyền thông (-0,18%)

Nhóm thông tin và truyền thông tháng 10/2026 giảm 0,18% so với tháng trước. Trong đó, giá máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,63%; máy in, máy chiếu, máy quét giảm 0,44%; thiết bị âm thanh giảm 0,38%; ti vi màu giảm 0,36%; máy điện thoại cố định giảm 0,27%; dịch vụ viễn thông giảm 0,13%.

Ở chiều ngược lại, giá dịch vụ sửa chữa điện thoại tăng 0,63%; dịch vụ truyền hình và internet tăng 0,1%.

9. Giáo dục (+0,31%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng Mười tăng 0,31% so với tháng trước, tác động làm tăng CPI chung 0,02 điểm phần trăm. Trong đó, giá dịch vụ giáo dục tăng 0,33% do một số trường đại học, trung học dân lập và mầm non tư thục tại một số địa phương điều chỉnh tăng học phí năm học 2026-2027. Bên cạnh đó, giá bút viết các loại tăng 0,31%; văn phòng phẩm, đồ dùng học tập khác tăng 0,36%; sản phẩm từ giấy tăng 0,19%.

10. Văn hóa, giải trí và du lịch (-0,87%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 10/2026 giảm 0,87% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở các nhóm: Du lịch trong nước giảm 1,27%; du lịch ngoài nước giảm 1,03% do các công ty du lịch triển khai chương trình khuyến mại giảm giá để kích cầu tiêu dùng; khách sạn, nhà khách giảm 1,72%; xem phim, ca nhạc giảm 0,71%; thiết bị dụng cụ thể dục thể thao giảm 0,18%.

Ở chiều ngược lại, giá dịch vụ chụp, in tráng ảnh tăng 0,74%; đồ chơi tăng 0,6%; hoa, cây cảnh, vật cảnh tăng 0,51%; sách, báo, tạp chí các loại tăng 0,35%; vé thuê chỗ chơi thể thao tăng 0,08%.

11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,27%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 10/2026 tăng 0,27% so với tháng trước, chủ yếu ở một số mặt hàng như: giá hàng chăm sóc cơ thể tăng 0,51%; dịch vụ sửa chữa đồng hồ đeo tay, đồ trang sức tăng 0,77%; dịch vụ cắt tóc gội đầu tăng 0,28%.

Ở chiều ngược lại, giá đồ trang sức giảm 1,94% theo giá vàng trong nước; túi xách, vali, ví giảm 0,45%.

12. Chỉ số giá vàng (-2,85%)

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 28/10/2026, bình quân giá vàng thế giới ở mức 4.137,85 USD/ounce, giảm 6,69% so với tháng trước, chủ yếu do đồng USD mạnh lên, lợi suất trái phiếu Mỹ duy trì ở mức cao và thị trường gia tăng kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ để kiểm soát lạm phát. Bên cạnh đó, hoạt động bán chốt lời của các nhà đầu tư cũng tạo áp lực giảm giá vàng. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 10/2026 giảm 2,85% so với tháng trước; giảm 2,94% so với cùng kỳ năm 2025; giảm 6,77% so với tháng 12/2025; bình quân 10 tháng năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 37,28% so với cùng kỳ năm trước.

13. Chỉ số giá đô la Mỹ (-0,26%)

Giá đô la Mỹ trong nước biến động ngược chiều với giá thế giới. Tính đến ngày 28/10/2026, chỉ số USD bình quân trên thị trường quốc tế tháng 10/2026 đạt mức 101,88 điểm, tăng 2,39 điểm so với tháng 9/2026, trong bối cảnh kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt và lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ ở mức cao. Tuy nhiên, chỉ số giá đô la Mỹ trong nước tháng 10/2026 giảm 0,26% so với tháng trước do nguồn cung ngoại tệ tương đối dồi dào và chính sách điều hành tỷ giá linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước; giảm 1,26% so với cùng kỳ năm 2025; giảm 1,32% so với tháng 12/2025; bình quân 10 tháng năm 2026, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,78% so với cùng kỳ năm trước.

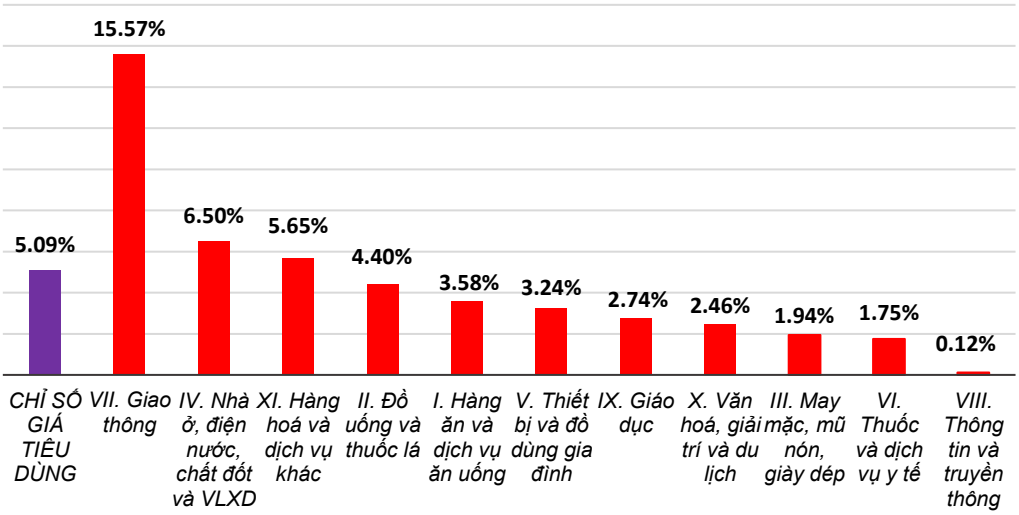
Bảng 1. Tốc độ tăng CPI tháng 10 từ năm 2022 đến năm 2026

Đơn vị tính: %

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
CPI tháng 10 so với tháng trước	0,15	0,08	0,33	0,20	0,20
CPI tháng 10 so với cùng kỳ năm trước	4,30	3,59	2,89	3,25	5,09
CPI tháng 10 so với tháng 12 năm trước	4,16	3,20	2,52	2,82	4,41
CPI bình quân 10 tháng so với cùng kỳ năm trước	2,89	3,20	3,78	3,27	4,57

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 10/2026 tăng 5,09%. Tất cả 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính đều tăng giá.

Hình 2. Tốc độ tăng CPI tháng 10/2026 so với cùng kỳ năm trước



Cụ thể như sau:

- Nhóm giao thông tăng cao nhất với mức 15,57%, tác động làm CPI chung tăng 1,55 điểm phần trăm. Trong đó, giá nhiên liệu tăng 35,03% do giá xăng dầu trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới. Giá phụ tùng tăng 5,37%; dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 7,82%; dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 6,5% chủ yếu do chi phí nhân công tăng.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,5%, tác động làm CPI chung tăng 1,47 điểm phần trăm. Cụ thể, giá nhà ở thuê tăng 4,88%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 9,83%; dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 10,05% do nhu cầu thuê nhà và chi phí nhân công, vật tư sửa chữa tăng. Bên cạnh đó, giá dầu hỏa tăng 43,07%; giá gas đun tăng 51,2% do các đợt điều chỉnh tăng theo diễn biến giá thế giới; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 13,81%; dịch vụ về điện sinh hoạt tăng 5,06%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,58% tác động làm CPI chung tăng 1,28 điểm phần trăm, trong đó giá nhóm lương thực tăng 0,22%; thực phẩm tăng 2,85%; ăn uống ngoài gia đình tăng 6,91% do chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào và chi phí vận hành tăng.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 4,4%, tác động làm CPI chung tăng 0,08 điểm phần trăm.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,46% chủ yếu do các nhóm dịch vụ văn hóa tăng 6,94%; du lịch trọn gói tăng 4,66% do nhu cầu tăng vào dịp nghỉ hè; khách sạn, nhà khách tăng 1,71%.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,24%, tác động làm CPI chung tăng 0,17 điểm phần trăm.

- Nhóm giáo dục tăng 2,74%, tác động làm CPI chung tăng 0,16 điểm phần trăm do một số trường dân lập, tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp điều chỉnh học phí năm học 2026-2027.

- Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 1,94%, chủ yếu do dịch vụ may mặc tăng 7,75%; dịch vụ giày dép tăng 7,66%; vải các loại tăng 3,53%; mũ, nón tăng 3,56%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,75%, làm CPI chung tăng 0,08 điểm phần trăm, chủ yếu do chi phí nhập khẩu nguyên liệu đầu vào, sản xuất và phân phối tăng làm giá thuốc và thiết bị y tế tăng.

- Nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,12% do chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông và nhân công sửa chữa thiết bị điện thoại tăng.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,65% tác động làm CPI chung tăng 0,2 điểm phần trăm, chủ yếu do nhóm hàng hóa và dịch vụ cho cá nhân tăng 5,67%; vật dụng, dịch vụ về hiếu hỉ tăng 5,25%.

So với tháng 12/2025, CPI tháng Mười tăng 4,41% khi cả 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đều tăng giá, phản ánh mặt bằng giá tiêu dùng tiếp tục xu hướng tăng. Cụ thể:

- Nhóm giao thông tăng 15,6% chủ yếu do giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh tăng từ tháng 3/2026.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,55% do giá nhà ở thuê tăng 4%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 8,56%; gas và các loại chất đốt khác tăng 49,81%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 4,23% do nhu cầu tiêu dùng tăng cao vào dịp Tết Nguyên đán, đồng thời biến động tỷ giá làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu và sản xuất.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,91%, trong đó dịch vụ trong gia đình tăng 6,94%; đồ dùng trong nhà tăng 3,34%.

- Nhóm giáo dục tăng 2,68% do một số trường dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục học nghề, dạy thêm điều chỉnh học phí.

- Nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 2,56% do nhu cầu vui chơi, giải trí và du lịch tăng trong các dịp Lễ, Tết và mùa du lịch hè.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,84% do giá ăn uống ngoài gia đình tăng 6,24%; thực phẩm tăng 0,51%.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,61%, trong đó dịch vụ may mặc tăng 6,62%; dịch vụ giày dép tăng 7,29%; vải các loại tăng 3,3%; giày dép tăng 1,91%; quần áo may sẵn tăng 1,23%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,65%, trong đó dụng cụ y tế tăng 2,46%; thuốc các loại tăng 2,17%; dịch vụ y tế tăng 1,39%.

- Nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,16%, chủ yếu do chi phí một số dịch vụ viễn thông và sửa chữa điện thoại điều chỉnh tăng.

- Nhóm hàng hoá và dịch vụ khác tăng 5,14% do giá dịch vụ phục vụ cho cá nhân tăng 7,02%; các dịch vụ cưới hỏi; đồ dùng cá nhân tăng.

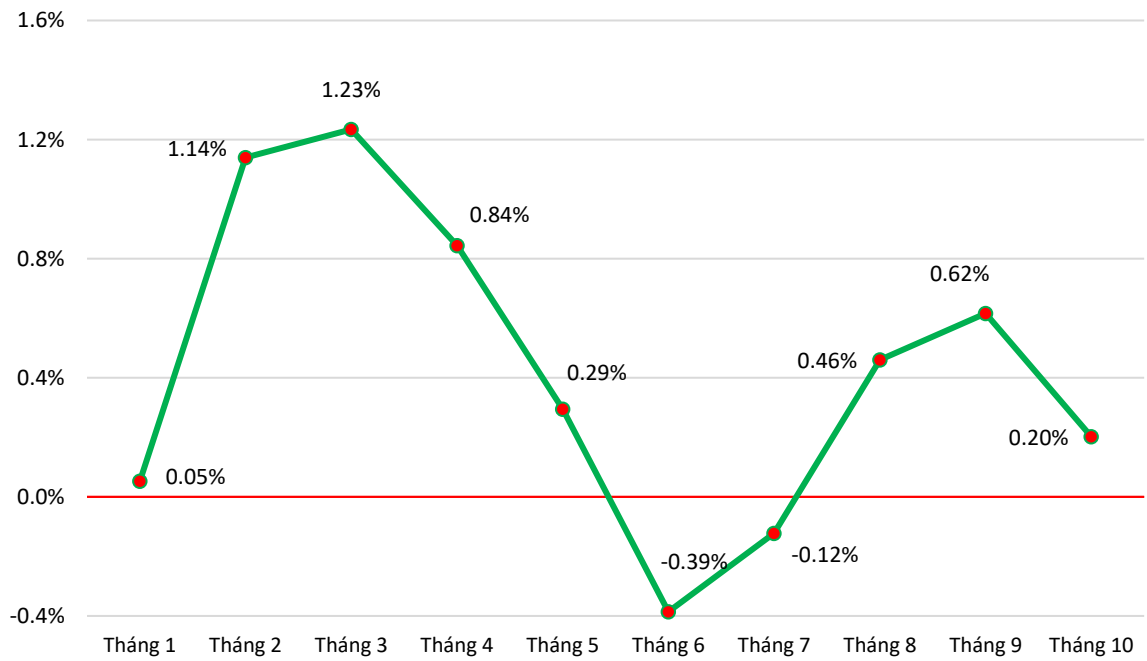
II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 10 THÁNG NĂM 2026

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng năm 2026 tăng 4,57% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, diễn biến CPI các tháng và các yếu tố tác động đến CPI 10 tháng năm 2026 được phân tích chi tiết trong các mục dưới đây.

1. Diễn biến giá tiêu dùng 10 tháng năm 2026

1.1. Diễn biến CPI 10 tháng năm 2026 so với tháng trước

Hình 3. Tốc độ tăng/giảm CPI các tháng năm 2026 so với tháng trước

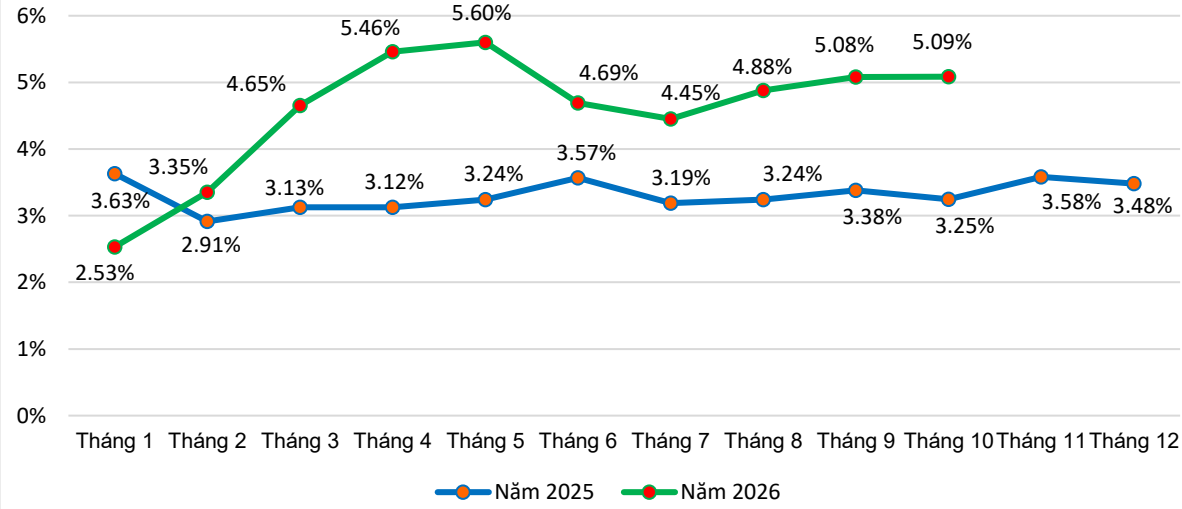


So với tháng trước, CPI tăng liên tục trong 5 tháng đầu năm, giảm trong tháng Sáu và tháng Bảy, sau đó tăng trở lại trong tháng Tám và duy trì xu hướng tăng đến tháng Mười. Diễn biến này chủ yếu chịu tác động của yếu tố mùa vụ, nhu cầu tiêu dùng trong các dịp Lễ, Tết, cùng với biến động giá nhiên liệu thế giới và chi phí nguyên liệu đầu vào. Cụ thể, tháng Một, CPI tăng nhẹ 0,05% so với tháng trước, chủ yếu do giá thịt lợn tăng. Sang tháng Hai, nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ và đi lại tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ đã đẩy giá thực phẩm, dịch vụ ăn uống ngoài gia đình và dịch vụ giao thông tăng. Đáng chú ý, trong tháng Ba, mặc dù là tháng sau Tết, CPI không giảm theo quy luật thường

thấy mà tăng mạnh 1,23%, mức tăng cao nhất trong 10 tháng, chủ yếu do giá xăng dầu tăng mạnh theo diễn biến thị trường thế giới. Tháng Tư, mặc dù giá xăng dầu hạ nhiệt, giá gas tăng mạnh đã khiến CPI tiếp tục tăng 0,84%. Đến tháng Năm, CPI tăng 0,29%, chủ yếu do giá điện, nước sinh hoạt và vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng. Ngược lại, trong tháng Sáu và tháng Bảy, CPI giảm liên tiếp, lần lượt giảm 0,39% và 0,12%, chủ yếu do giá xăng dầu đi xuống, cùng với giá của một số mặt hàng lương thực, thực phẩm giảm. Tuy nhiên, xu hướng giảm không kéo dài khi CPI tăng trở lại trong tháng Tám do giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh tăng theo thị trường thế giới. Tháng 9 và tháng 10, CPI tiếp tục duy trì đà tăng, chủ yếu do giá xăng dầu tăng và một số cơ sở giáo dục điều chỉnh học phí nhân dịp năm học mới 2026-2027. Tính chung 10 tháng năm 2026, CPI tăng bình quân 0,43% mỗi tháng so với tháng trước.

1.2. Diễn biến CPI 10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước

Hình 4. Tốc độ tăng CPI các tháng năm 2026 và năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



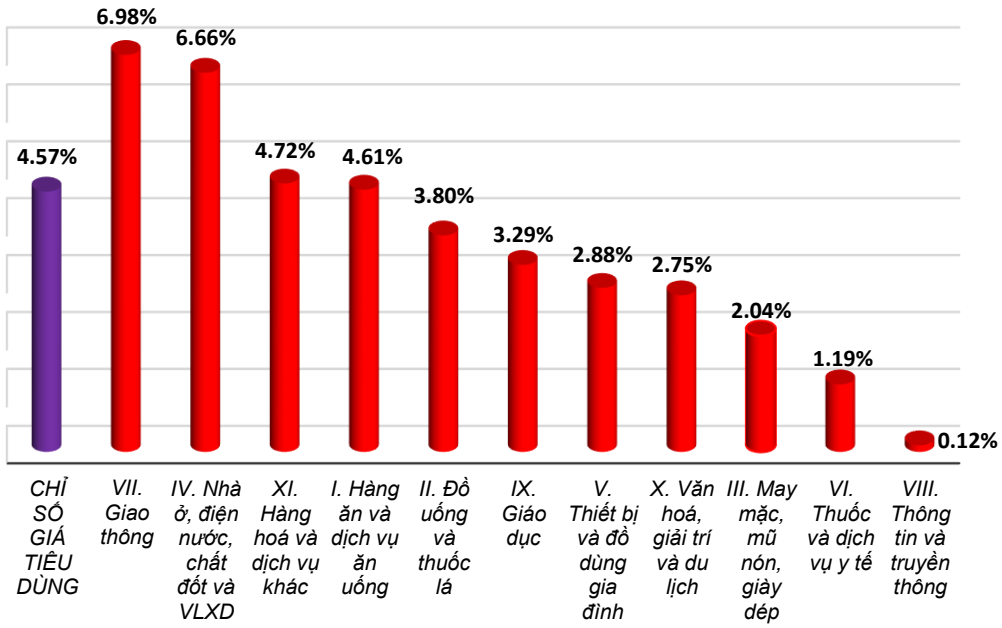
So với cùng kỳ năm trước, tốc độ tăng CPI trong 10 tháng năm 2026 có xu hướng tăng nhanh trong những tháng đầu năm, đạt mức cao nhất vào tháng Năm, sau đó giảm trong tháng Sáu và tháng Bảy trước khi tăng trở lại từ tháng 8 đến tháng 10.

Cụ thể, CPI tháng Một tăng 2,53%; tháng Hai tăng 3,35%; tháng Ba tăng 4,65%; tháng Tư tăng 5,46% và tháng Năm tăng 5,6%, mức tăng cao nhất trong 10 tháng. Từ tháng Sáu, tốc độ tăng CPI giảm xuống còn 4,69% và tiếp tục giảm còn 4,45% trong tháng Bảy. Tuy nhiên, xu hướng này đảo chiều từ tháng Tám, khi CPI tăng 4,88%, và đến tháng Chín tăng 5,08%, tháng Mười tăng 5,09% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2026, CPI tăng 4,57%, cao hơn đáng kể so với mức tăng 3,27% của cùng kỳ năm 2025.

Diễn biến trên cho thấy áp lực lạm phát trong 10 tháng năm 2026 tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do giá xăng dầu và giá gas tăng theo thị trường thế giới; cùng với đó, giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng do chi phí vật liệu, sửa chữa nhà ở và nhu cầu sử dụng điện gia tăng, tạo thêm áp lực lên CPI. Giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống cũng tăng dưới tác động của chi phí nguyên liệu đầu vào và nhu cầu tiêu dùng.

2. Các yếu tố tác động đến CPI 10 tháng năm 2026

Hình 5. Tốc độ tăng CPI 10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước



- Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,61%, tác động làm CPI chung tăng 1,65 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm thịt lợn tăng 4,16%, do nguồn cung hạn chế trong dịp Lễ, Tết và chi phí chăn nuôi ở mức cao; chỉ số giá thịt gia cầm tăng 3,65%; chỉ số giá ăn uống ngoài gia đình tăng 7,12% do chi phí nguyên liệu và dịch vụ tăng.

- Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,66% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,51 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhà ở thuê tăng 6,06% do chi phí duy trì và vận hành tăng; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 12,74% do giá vật liệu xây dựng và nhu cầu xây dựng, sửa chữa nhà ở tăng; giá điện sinh hoạt tăng 3,97% do nhu cầu sử dụng điện tăng trong những tháng nắng nóng.

- Chỉ số giá nhóm giao thông tăng 6,98%, tác động làm CPI chung tăng 0,7 điểm phần trăm, trong đó giá nhiên liệu tăng 13,09%[2].

[2] So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá nhóm nhiên liệu tháng 01/2026, 02/2026 lần lượt giảm 9,62% và 8,38%, trong khi từ tháng 3/2026 đến tháng 10/2026 lần lượt tăng 21,6%; 21,47%; 25,12%; 8,97%; 5,89%; 15,8%; 23,96% và 35,03%.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 3,29%, tác động làm CPI chung tăng 0,2 điểm phần trăm do một số trường dân lập, tư thục, dạy nghề đã điều chỉnh học phí trong năm học mới.

- Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,88%, tác động làm CPI chung tăng 0,15 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,75%, tác động làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,8%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,04%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm.

III. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản[3] tháng 10/2026 giảm 0,05% so với tháng trước và tăng 4,04% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 4,57% của CPI bình quân chung. Nguyên nhân chủ yếu do giá xăng dầu, gas, lương thực, thực phẩm tươi sống, dịch vụ y tế biến động làm CPI chung tăng, trong khi các nhóm này được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Mười và 10 tháng từ năm 2022 đến năm 2026

Đơn vị tính: %

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Lạm phát cơ bản tháng 10 so với tháng trước	0,45	0,09	0,23	0,35	-0,05
Lạm phát cơ bản tháng 10 so với cùng kỳ năm trước	4,47	3,43	2,68	3,30	4,04
Lạm phát cơ bản 10 tháng so với cùng kỳ năm trước	2,14	4,38	2,69	3,20	4,24

CỤC THỐNG KÊ

[3] CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.